TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ ĐÔNG HÒA** **TỈNH PHÚ YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 02-02-2021
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐÔNG HÒA, TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Hữu Duyên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thư.

2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Huỳnh Tứ – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 242/2020/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 10 năm 2020, về việc "Xin ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoàn phiên tòa số: 04/2021/QĐ-HPT ngày 19 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Kim C, sinh năm 1992; Địa chỉ thường trú: Khu phố B, phường HV, thị xã Đ, tỉnh Phú Yên. Hiện trú tại: buôn M, xã ĐB, huyện K, tỉnh Gia Lai (Vắng mặt).

2. Bị đơn: ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1983; Trú tại: khu phố B, phường HV, thị xã Đ, Phú Yên (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2020, tài liệu có tại hồ sơ bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Văn H thống nhất trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà (Nguyễn Thị Kim C) và ông (Đỗ Văn H) tự nguyện tìm hiểu và kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 117/2010 cấp ngày 17/11/2010 tại UBND xã HV, huyện Đ, tỉnh Phú Yên (nay là phường HV, thị xã Đ).

Về con chung: bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đỗ Văn H có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh T1 (sinh ngày 18/01/2011) và cháu Đỗ Minh Tân (sinh ngày 02/7/2013).

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bà Nguyễn Thị Kim C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời gian đầu bà C và ông H sống hạnh phúc, nhưng từ năm 2019 đến nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt vì ông H thường xuyên tụ tập rượu, bia, quan điểm chung không có, không cùng chí hướng cùng nhau phấn đấu xây dựng gia đình; bà C và các con đã chuyển về nhà cha mẹ ruột ở buôn M, xã ĐB, huyện K, tỉnh Gia Lai để sinh sống theo yêu cầu của ông Đỗ Văn H từ đầu tháng 12/2020. Nay, bà xét thấy cả hai bất đồng quan điểm sống, tình cảm vợ chồng không còn, thường xuyên mâu thuẫn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Nguyễn Thị Kim C xin được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

Về con chung: Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Kim C nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung (cháu Đỗ Mạnh T1 và cháu Đỗ Minh T2).

Về cấp dưỡng nuôi con: bà không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Đỗ Văn H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau khi kết hôn một thời gian, ông và bà C phát sinh mâu thuẫn, nhưng chỉ mâu thuẫn nhỏ, nên ông không muốn ly hôn. Sau đó, ông H đã đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh và có ý kiến đồng ý ly hôn với bà C khi Tòa án liên hệ ông H qua số điện thoại của ông để yêu cầu ông tới tòa giải quyết vụ án. Ông H cho rằng vì bận công việc nên không thể về Tòa án để giải quyết ly hôn với bà Nguyễn Thị Kim C.

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: ông H không có ý kiến.

Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên đã tiến hành hòa giải nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: bà Nguyễn Thị Kim C (bà C) khởi kiện xin ly hôn ông Đỗ Văn H (ông H) và giải quyết các vấn đề về con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.2] Về sự tham gia của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa: Trong quá trình giải quyết và thời hạn chuẩn bị xét xử, Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ, căn cứ khoản 2 Điều 21 và Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử không có sự tham gia phiên tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đông Hòa.

[1.3] Nguyên đơn bà C có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông H đã được Tòa án triệu tập lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó, Toà án xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: bà C và ông H tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Hòa Vinh, huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên (nay là phường Hòa Vinh, thị xã Đông Hòa) vào năm 2010, là hôn nhân hợp pháp. Hôn nhân giữa bà C và ông H đã rạn nứt trầm trọng, hai bên tự sống xa nhau một thời gian, bà C dẫn 02 con chung về gia đình cha mẹ ruột ở xã ĐB, huyện K, tỉnh Gia Lai sinh sống cho đến nay nhưng ông H vẫn không quan tâm. Điều này phù hợp theo tài liệu do bà C cung cấp (tin nhắn giữa bà C với ông H) "ông Đỗ Văn H yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim C đi khỏi nhà cha mẹ ông H" và giấy chuyển trường của cháu Đỗ Minh T1, Đỗ Minh T2.

Xét thấy, giữa bà C và ông H đã tự cắt đứt liên lạc với nhau, không còn quan tâm nhau, tình cảm vợ chồng không còn; mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Đỗ Văn H, để đảm bảo các bên ổn định cuộc sống riêng.

[2.2] Về con chung: bà C và ông H có 02 con chung là cháu Đỗ Mạnh T1 (sinh ngày 18/01/2011) và cháu Đỗ Minh T2 (sinh ngày 02/7/2013). Bà C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con. Xét thấy, bà C có đủ sức khỏe, có thu nhập ổn định; cháu Đỗ Minh T1, Đỗ Minh T2 trình bày nguyện vọng xin được ở với mẹ (bà C) và hiện nay hai cháu (T1 – T2) đã chuyển về học tại trường TH&THCS PT (xã PT, huyện SH, tỉnh Phú Yên) để ở gần bà C. Ông H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt, không có ý kiến tranh chấp về quyền nuôi con chung. Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà C, giao 02 cháu Đỗ Mạnh T1 và cháu Đỗ Minh T2 cho bà C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Ông H được quyền chăm sóc, thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Ông H vắng mặt trong quá trình giải quyết nên ông H không có ý kiến về phần cấp dưỡng nuôi con; bà C không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con; do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: bà C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 21, các Điều 147, Điều 220, khoản 2 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim C.

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim C được ly hôn với ông Đỗ Văn H.

2. Về con chung: giao cháu Đỗ Mạnh T1 (sinh ngày 18/01/2011) và cháu Đỗ Minh T2 (sinh ngày 02/7/2013) cho bà Nguyễn Thị Kim C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Ông Đỗ Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: bà Nguyễn Thị Kim C phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (đã nộp đủ), được khấu trừ 300.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí số 0003685 ngày 01/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Đông Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Đông Hòa;
- Các đương sự;
- UBND phường HV;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Hữu Duyên